

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-PT

Ngày: 13 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết

Ông Phạm Cao Gia

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 343/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo Lê Thị Hồng D do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2025/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị kháng cáo: **Lê Thị Hồng D**; sinh năm 1988 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi cư trú: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn C (chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có chồng Nguyễn H, sinh năm 1986 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Danh T1 – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ H1 - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Bùi Trọng T2 – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ – Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Phan H3 - sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
3. Bà Võ Thị Thủy C1 - sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
4. Ông Nguyễn H - sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
5. Ông Phan G - sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
6. Bà Nguyễn Thị H4 - sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
7. Bà Trần Thị T3 - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2023 đến tháng 3/2024, Nguyễn H và Trần Thị Mỹ H1 (mợ của H) có quan hệ tình cảm lén lút với nhau. Tháng 9/2023, H và H1 có gọi điện thoại qua Z và cùng nhau cởi đồ khóa thân lộ bộ phận sinh dục thì H chụp lại mà không nói cho H1 biết. Tháng 3/2024, H và H1 hẹn nhau tại Nghĩa trang T5, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. H1 lấy điện thoại Hidden xóa ảnh khóa thân rồi cả hai tự nguyện quan hệ tình dục. Trong quá trình quan hệ tình dục, H có dùng điện thoại quay video và lưu giữ trong điện thoại của mình. Sau đó, Lê Thị Hồng D (vợ H) phát hiện trong điện thoại H có hình ảnh và video khóa thân của H1 nên gặp H1 và Phan H3 (chồng H1) để nói chuyện và yêu cầu H1 chấm dứt mối quan hệ bất chính.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/4/2024, sau khi H1 làm cỏ ruộng xong thì điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78F5-5290 chạy về nhà. Trên đường về, khi đến trước nhà D tại thôn P, xã Ô thì bị D chặn xe lại nói “Tại sao mày hứa không qua lại với chồng tao nữa mà mày vẫn gọi điện rủ chồng tao đi nhậu là mày có ý gì”, H1 trả lời “Tao không rủ, mày nói ai rủ” rồi hai bên cãi vã qua lại với nhau, D quật ngã H1 ngã xuống đường rồi nằm đè lên người của H1 dùng tay, chân cởi bỏ hết 03 cái quần của H1 đang mặc trên người gồm 02 cái quần dài và 01 cái quần lót, H1 vùng vẫy thoát ra được chạy đến xe mô tô của mình lấy cái câu liêm cầm hù dọa D, thấy vậy D cầm 03 cái quần của H1 chạy vào sân nhà mình. Lúc này, H1 đang ở trường thì thấy Nguyễn Anh K, Bùi Văn T4 và nhiều người khác đang nhìn mình nên xấu hổ dùng tay che bộ phận sinh dục lại rồi bỏ chạy về nhà mình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk; Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 592 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hồng D phạm tội “Làm nhục người khác”. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hồng D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Hồng D bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại Trần Thị Mỹ H1 số tiền 9.360.000 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo D đã nộp khắc phục 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 000029 ngày 17/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 6.360.000 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị hại bà Trần Thị Mỹ H1 được nhận số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) do bị cáo Lê Thị Hồng D nộp tại Biên lai thu tiền số 000029 ngày 17/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/9/2025, bị hại bà Trần Thị Mỹ H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo và yêu cầu chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị Mỹ H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Mỹ H1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2025/HS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Hồng D tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/4/2024 tại thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk, Lê Thị Hồng D có hành vi dùng tay, chân cời bỏ quần của Trần Thị Mỹ H1 đang mặc trên người (gồm 02 cái quần dài và 01 cái quần lót) trước sự chứng kiến của nhiều người làm Hoan xấu hổ và ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng D về tội “Làm nhục người khác” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu tăng hình phạt, tăng bồi thường, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do lỗi của bị hại. Mặc dù bị hại và chồng của bị cáo là những người đã có gia đình và đồng thời bị hại có mối quan hệ là vợ của chồng bị cáo nhưng

cả hai có cuộc sống phóng túng trái luân thường đạo lý, quan hệ tình dục bất chính với chồng của bị cáo. Do đó cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện về nhân thân, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Xử phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại thu nhập thực tế bị mất: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập 6.000.000đồng/tháng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không cung cấp chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập, thiệt hại bị mất để có căn cứ chấp nhận.

Về bồi thường tổn thất về tinh thần: Cấp sơ thẩm đã xem xét và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 4 tháng lương cơ sở là: 2.340.000đồng x 4 tháng = 9.360.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Mỹ H1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

[2] Tội danh, Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hồng D phạm tội “Làm nhục người khác”.

Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584, 585, 592 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hồng D 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Hồng D bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại Trần Thị Mỹ H1 số tiền 9.360.000 đồng (*Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bị cáo D đã nộp khắc phục 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tại Biên lai thu tiền số 000029 ngày 17/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk, còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 6.360.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Bị hại bà Trần Thị Mỹ H1 được nhận số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu*

đồng) do bị cáo Lê Thị Hồng D nộp tại Biên lai thu tiền số 000029 ngày 17/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Trần Thị Mỹ H1 về việc buộc bị cáo Lê Thị Hồng D bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) thu nhập thực tế bị mất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Bị hại Trần Thị Mỹ H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc, kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 14 – Đắk Lắk;
- Công an xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My